

Bản án số: **66**/2018/HS-PT

Ngày: 15- 01-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Điền

Ông Mai Xuân Thành

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Huỳnh Công Thoại – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên tòa: Ông Quách Đức Dũng - Kiểm sát viên.

Vào ngày 15 tháng 1 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 69/2017/HS-PT ngày 06/11/2017 đối với các bị cáo Ngô Việt H, Phạm Văn B, Nguyễn Minh L về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Do có kháng cáo của bị cáo và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đối với bản án hình sự sơ thẩm số 55/2017/HS-ST ngày 25/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Bị cáo

1. **Ngô Việt H (H socola)**, sinh ngày 29/6/1975; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Tổ 23, phường H1, quận H, TP Đà Nẵng; Chỗ ở: K45/H39/01 Đường L, quận T1, TP Đà Nẵng; số chứng minh nhân dân: 201329464 do Công an TP Đà Nẵng cấp ngày 10/10/2015; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 06/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Ngô Hoàn S1 (chết) và bà Nguyễn Thị H2 (s), có vợ là Nguyễn Thị Thiên Th, có 03 con (Lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2008); Tiền sự: Không.

Tiền án: Năm 2011 bị Tòa án nhân quận H, TP Đà Nẵng xử phạt 07 năm tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, chấp hành xong hình phạt ngày 20/9/2015.

Nhân thân: Năm 1997 bị Tòa án nhân dân Tối cao tại Quảng Nam - Đà Nẵng xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản công dân.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 07/4/2016, có mặt.

2. Phạm Văn B, sinh ngày 20/5/1986 tại Thanh Hóa; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Tổ 21, phường H2, quận N, TP Đà Nẵng; Chỗ ở: 596/24 đường L, quận N, TP Đà Nẵng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Con ông Phạm Văn M và bà Mã Thị V1 (cả 2 còn sống); có vợ là Lê Thị Kh và 02 con (lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2016); Tiền án, tiền sự: Chưa. Bị cáo bị bắt giam ngày 07/4/2016, có mặt.

3. Nguyễn Minh L (L Dù), sinh ngày 18/4/1979; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở: số 04 đường T, tổ 223, phường H3, quận L, TP Đà Nẵng; số chứng minh nhân dân: 201528906 do Công an TP Đà Nẵng cấp ngày 29/5/2003; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 01/12; Nghề nghiệp: Lái xe; Con ông Nguyễn Tiến D và bà Nguyễn Thị cảm L (cả 2 còn sống); có vợ là Phan Thị B1 Chiến và 01 con sinh năm 2006; Tiền án, tiền sự: Chưa.

Nhân thân: Năm 1998 bị Tòa án nhân dân tối cao tại Quảng Nam - Đà Nẵng xử phạt 15 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công công”; Năm 2000 bị Tòa án nhân dân TP Đà Nẵng xử phạt 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo bị bắt giam ngày 15/9/2016, có mặt.

***Người bào chữa:**

Ông **Chế Giang S** - Luật sư thuộc Đoàn luật sư Thành phố Đà Nẵng, bào chữa cho bị cáo Ngô Việt H theo yêu cầu của Tòa án. Có mặt.

Ông **Lê Hữu Ph** - Luật sư thuộc Đoàn luật sư Thành phố Đà Nẵng, bào chữa cho bị cáo Phạm Văn B theo yêu cầu của Tòa án. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty TNHH MTV THK, địa chỉ: 620 Điện Biên Phủ, p. Thanh Khê Tây, Q. T1, TP. Đà Nẵng - Đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Chí Q**, sinh năm: 1978; Chức vụ: Phó Giám đốc; Trú tại: 620 Đường Đ, phường T2, quận T1, TP. Đà Nẵng.

2. Công ty TNHH MTV RTC, địa chỉ: 323 Đường Đ, P Hòa Khê, Q. T1, TP. Đà Nẵng - Đại diện theo pháp luật: Ông **Trần Văn R**, sinh năm 1990; Chức vụ: Giám đốc; Trú tại 323 Đường Đ, phường H, quận T1, thành phố Đà Nẵng.

3. Ông **Đặng Văn V (Ke)**, sinh năm: 1986; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Tổ 62, phường T, quận T1, TP. Đà Nẵng.

4. Bà **Nguyễn Thị Thiên Th**, sinh năm: 1973; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: K227/8 đường H, tổ 13, H1, quận H, TP Đà Nẵng; Chỗ ở: K45/H39/01 Đường L, phường T, quận T1, TP. Đà Nẵng.

5. Bà **Nguyễn Thị Thu H1**, sinh năm: 1971; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 5, xã N, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

6. **Lưu Vĩnh P1**, sinh năm 1967; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 5, xã N, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

7. Ông **Huỳnh Minh Dạ V (Đen)**, sinh năm 1990; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn TC, xã Đ, thị xã Đ1, tỉnh Quảng Nam.

8. Ông **Lê Đình D**, sinh năm 1979; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: H1/11/KiỆT 14 đường B, tổ 35, phường H4, quận L, TP Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 10h00 ngày 07/4/2016, tại Trạm Cảnh sát giao thông Nam Đèo Hải Vân thuộc quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng, phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an TP Đà Nẵng lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Ngô Việt H, Phạm Văn B về hành vi mua bán trái phép chất ma túy.

Tang vật thu giữ gồm:

01 gói nilong màu trắng có kích thước 14cm X 20cm bên trong chứa tinh thể rắn màu trắng - theo H khai là ma túy đá; 01 gói nilong màu trắng, có kích

thước khoảng 08cm X 12cm bên trong có chứa tinh thể màu trắng - theo H khai là ma túy đá. 02 gói này được niêm phong **ký hiệu A1**.

01 gói nilong màu đen kích thước khoảng 10cm X 06cm bên trong có chứa các viên nén màu trắng, một mặt có hình vương miện, theo H khai đó là ma túy dạng thuốc lắc, được niêm phong **ký hiệu A2**.

01 gói nilong màu trắng trong suốt, kích thước khoảng 05cm X 10cm bên trong chứa chất bột màu vàng nhạt, theo H khai đó là ma túy tổng hợp loại Ketamine, được niêm phong **ký hiệu A3**

01 gói nilong màu trắng trong suốt, kích thước khoảng 04cm X 08cm bên trong có chứa 03 cục dạng bột màu trắng, theo H khai đó là ma túy loại Heroin, được niêm phong **ký hiệu A4**

Ngoài ra, còn thu giữ một số tang tài vật khác gồm:

01 chứng minh nhân dân cấp cho Ngô Việt H; 5.000.000đ; 01 Điện thoại di động màu đen có chữ Nokia, số Imel: 357141064607295, số sim 0935501504; 01 điện thoại di động màu đen có chữ Iphone, số Imel 013846004668845, số sim 0905086386 của Ngô Việt H.

01 điện thoại di động màu đen có chữ Nokia, số sim 0901123089; 01 điện thoại di động màu đen có chữ Iphone, số Imel 012427003446904; 01 giấy phép lái xe số 480104484546, của Phạm Văn B

Lúc 12h30' ngày 07/4/2016 tại số nhà K34/H39/01 Đường L, phường T, quận T1, TP Đà Nẵng cơ quan cảnh sát điều tra Công an TP Đà Nẵng khám xét khẩn cấp nơi ở của Ngô Việt H thu giữ tang vật gồm:

01 gói nilong bên trong có chứa chất tinh thể rắn màu trắng, dạng cục được bỏ vào phong bì niêm phong **ký hiệu B**

01 giấy chuyển tiền cho Nguyễn Thị Thu H1 qua Ngân hàng ARIBANK do Nguyễn Thị Thiên Th chuyển ngày 06/4/2016; 04 sim điện thoại Mobiphone chưa kiểm tra sim; số tiền 75.970.000 đồng; 01 cây dao dài khoảng 50cm, có cán gỗ, lưỡi bằng thép màu trắng có dòng chữ STAINLESSTEEL; 01 khẩu súng No 871072, có dòng chữ M1911A1-US.ARMY và băng đạn được niêm phong trong hộp giấy; 01 cân điện tử; 01 dao xếp và một số bao nilong.

Quá trình điều tra xác định được:

Khoảng tháng 2 năm 2016, Ngô Việt H bắt đầu mua bán ma túy, các loại ma túy H mua bán là “Thuốc lắc”, “Hàng đá”, “Hàng kay” để thực hiện việc mua bán ma túy, thông qua các mối quan hệ xã hội H quen biết một người đàn ông tên Lưu Vĩnh P1, trú tại: Xóm 5, xã N, huyện K, tỉnh Ninh Bình có bán ma túy.

Khoảng tháng 2/2016 Ngô Việt H thuê xe ô tô và thuê Phạm Văn B điều khiển xe ô tô (không nhớ biển số) chở H đi từ Đà Nẵng đến tỉnh Ninh Bình và ngược lại - tiền công trả cho Phạm Văn B là 2.000.000 đồng. Khi ra đến tỉnh Ninh Bình, một mình H tìm gặp Lưu Vĩnh P1 và đặt vấn đề mua ma túy, P1 đồng ý. Lần này H mua của P1 200 viên thuốc lắc với giá 150.000 đồng/1 viên, tổng là 30.000.000 đồng; 30 gam ma túy đá với giá 600.000 đồng/01 gam, tổng là 18.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền H mua ma túy lần này là 48.000.000 đồng. H giao tiền và P1 giao ma túy cho H. Mua bán xong, H nói B chở về Đà Nẵng. Số ma túy này, H vừa sử dụng vừa bán lại cho các con nghiện với giá ma túy đá 650.000 đồng đến 700.000 đồng/01 gam; thuốc lắc 200.000 đồng/ 01 viên. Số tiền thu được 51.000.000 đồng, lãi 3.000.000 đồng.

Khoảng tháng 3 năm 2016, H tiếp tục thuê xe ô tô và thuê Phạm Văn B điều khiển xe ô tô đi Ninh Bình để gặp P1 mua ma túy. Đến Ninh Bình, một mình H gặp và trao đổi mua ma túy với P1. Sau khi trao đổi, Pluy mua của P1 300 viên thuốc lắc với giá 150.000 đồng/01 viên, tổng là 45.000.000 đồng; 40 gam ma túy

đá, với giá 600.000 đồng/01 gam, tổng là 24.000.000 đồng. Tổng số tiền H mua ma túy của P1 lần này là 69.000.000 đồng. Sau khi mua ma túy, H mang về Đà Nẵng sử dụng và bán lại cho nhiều người khác với giá 650.000 đồng đến 700.000 đồng/01 gam ma túy đá; 200.000 đồng/01 viên thuốc lắc. Tổng số tiền thu được 72.000.000 đồng, lãi 3.600.000 đồng.

Đến ngày 05/4/2016 Ngô Việt H điện thoại P1 đặt mua 100 gam Ketamine, 700 gam hàng đá, 1000 viên thuốc lắc, 01 chỉ Heroin, P1 đồng ý bán cho H với giá, cụ thể như sau: 100 gam Ketamine với giá 300.000 đồng/01 gam, tổng là 30.000.000 đồng; 1.000 viên thuốc lắc với giá 150.000 đồng/01 viên, tổng là 150.000.000 đồng; 700 gam ma túy đá với giá 300.000 đồng/01 gam, tổng là 210.000.000 đồng; Riêng Heroin không tính tiền. Tổng cộng số tiền H mua ma túy của P1 lần này là 390.000.000 đồng. P1 và H thống nhất ngày 06/4/2016 H chuyển trước cho P1 300.000.000 đồng, sáng ngày 07/4/2016 H sẽ chuyển tiếp số tiền còn lại cho P1. Do H bận việc không trực tiếp đi mua ma túy được, H trao đổi với P1 để Phạm Văn B ra nhận ma túy cho H, còn tiền H chuyển tiền vào tài khoản cho P1, P1 đồng ý. Sau khi thống nhất với P1, đến 16h00' cùng ngày H điện thoại thuê Phạm Văn B tự lái xe ra Ninh Bình nhận ma túy cho Ngô Việt H và đem về đưa cho H tại Đà Nẵng, mọi chi phí đi lại và về do H chi trả. Khi nào B về giao ma túy cho H thì H mới tính trả tiền công cho B.

H mượn xe ô tô BKS 43A-15.962 của Nguyễn Trần H3, xe do H3 thuê của Công ty TNHH MTV THK, địa chỉ 620 Đường Đ - TP Đà Nẵng, do ông Nguyễn Chí Q chủ sở hữu xe nói trên. Sau đó, H đem xe ô tô giao cho Phạm Văn B tại Bệnh viện Nhi - Phụ sản quận Ngũ Hành Sơn - TP Đà Nẵng. H cho B số điện thoại của P1 để khi ra đến Ninh Bình, B và P1 liên lạc với nhau, H nói với B đến trước nhà H tại K45/H39/01 Đường L gặp Nguyễn Minh L lấy số tiền 6.000.000 đồng. H điện thoại báo L vào nhà gặp Nguyễn Thị Thiên Th (vợ H) lấy 11.000.000 đồng, đưa cho B 6.000.000 đồng và tại đây B nói cho L biết là đi Ninh Bình để nhận ma túy cho H. số tiền 5.000.000 đồng còn lại L cầm đến đưa cho H.

Sau khi nhận tiền xong, Phạm Văn B điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 43A-159.62 đi, đến trưa ngày 06/4/2016 B đến Ninh Bình. Khoảng 13h00 cùng ngày B điện thoại cho P1 nhưng P1 không nghe máy đến khoảng 15h00' cùng ngày P1 điện thoại lại cho B hướng dẫn B đến nhà P1. Tại đây P1 nói B đi đâu đó khoảng hai tiếng sau quay lại.

Đến khoảng 17h00' cùng ngày, P1 điện thoại lại cho B, nói B đến nhận ma túy. B đến nhà P1 gặp và nói chuyện với P1, có một người đàn ông ở trong nhà P1 (không xác định được tên, tuổi địa chỉ) mang 01 túi vải màu hồng đen bỏ vào ghế sau của xe ô tô BKS 43A-159.62, P1 còn dặn B “Đem gói ma túy về cho anh H”. Sáng ngày 06/4/2016 Phạm Văn B báo cho Ngô Việt H biết đã về đến thành

phố Huế và bị Cảnh sát giao thông tỉnh Thừa Thiên Huế yêu cầu dừng xe kiểm tra, sau đó cho đi, B sợ bị phát hiện và bị bắt nên đã điện thoại cho H yêu cầu H ra thị trấn L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế để nhận ma túy. B không dám chạy xe về Đà Nẵng giao ma túy cho H theo kế hoạch.

Sau đó, H nhờ Đặng Văn V (Ke) thuê xe ô tô biển kiểm soát 43 A- 139.91 (xe của Công ty TNHH MTV RTC, tại 323 Đường Đ, thành phố Đà Nẵng do ông Trần Văn R là chủ sở hữu) chở H đi hẹn gặp B tại một quán cơm trên đường Quốc lộ 1 thuộc thị trấn L, tỉnh Thừa Thiên Huế. Tại đây, B cầm túi đựng ma túy từ xe ô tô BKS 43A-159.62 bỏ qua xe ô tô BKS 43A-139.91 để H điều khiển về Đà Nẵng, còn V điều khiển xe ô tô BKS 43 A-159.62 chở B.

Đến 10h00 ngày 07/4/2016 tại Trạm cảnh sát giao thông Nam đèo Hải Vân, thuộc quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng, Ngô Việt H và Phạm Văn B bị lực lượng Công an TP Đà Nẵng bắt quả tang về hành vi mua bán trái phép chất ma túy và tạm giữ toàn bộ số ma túy trên cùng các tang tài vật có liên quan.

Trước đó, khi mua ma túy từ Ninh Bình về Đà Nẵng H thuê phòng khách sạn, hoặc phòng trọ trên địa bàn TP Đà Nẵng để cất giấu. Khi các con nghiện cần mua ma túy thì trao đổi qua điện thoại hoặc gặp trực tiếp H để tiến hành trao đổi mua bán ma túy. Địa điểm giao dịch thường ở các quán cà phê trên địa bàn TP Đà Nẵng hoặc khu vực gần nhà H. Trong quá trình mua bán ma túy Ngô Việt H bán ma túy cho nhiều người, nhưng chỉ nhớ được một số trường hợp như sau:

Khoảng cuối tháng 3/2016 đầu tháng 4/2016 Huỳnh Minh Dạ V (Đen) nhờ Nguyễn Minh L mua 50 gam ma túy đá, L liên hệ với Ngô Việt H, H đồng ý bán cho L với giá 30.000.000 đồng. L mua 50 gam ma túy đá của H bán cho V với giá 32.500.000 đồng. L đưa lại cho H 30.000.000 đồng, còn 2.500.000 đồng L tiêu xài cá nhân

Khoảng từ tháng 3/2016 đến đầu tháng 4/2016 H bán ma túy đá cho một thanh niên tên “Chó” 05 lần, mỗi lần 2,5 gam, với giá 600.000 đồng/01 gam, tổng số tiền H có được từ việc bán ma túy cho “Chó” là 7.500.000 đồng.

Khoảng tháng 3/2016 H bán ma túy đá cho một thanh niên tên là “Xỉn” 05 lần, mỗi lần 2,5 gam, với giá 600.000 đồng/01 gam, tổng số tiền H có được từ việc bán ma túy cho “Xỉn” là 7.500.000 đồng.

Khoảng tháng 3/2016 H bán ma túy đá cho một phụ nữ tên “Bé Trang” 01 lần với giá 1.000.000 đồng.

Khoảng 3/2016 H bán ma túy đá cho người phụ nữ tên “Bé Sa” 02 lần 2,5 gam với số tiền 1.650.000 đồng.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra xác định: Ngô Việt H nhờ Nguyễn Thị Thiên Th chuyển tiền cho P1 qua tài khoản số 3309205064689 của Nguyễn Thị Thu H1, sinh năm 1971; Trú tại xã N, huyện K, tỉnh Ninh Bình, thời

gian từ 24/2/2016 đến ngày 06/4/2016 tổng cộng 09 lần, với tổng số tiền 1.455.000.000 đồng. Trong đó có 300.000.000 đồng, H khai nhận chuyển vào ngày 06/4/2016 là tiền chuyển cho P1 để mua ma túy. số tiền còn lại 1.155.000.000 đồng H trả nợ cho P1.

Lưu Vĩnh P1 khai đó là tiền làm ăn mua bán đá mỹ nghệ với H, P1 không thừa nhận việc mua bán ma túy với H và B.

Ngày 29/6/2016 Công an TP Nam Định, tỉnh Nam Định đã tiến hành bắt quả tang đối với Lưu Vĩnh P1 về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Hiện Lưu Vĩnh P1 đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định kết án chung thân về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 55/2017/HS-ST ngày 25/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng:

Tuyên bố Các bị cáo **Ngô Việt H, Phạm Văn B, Nguyễn Minh Lợi** phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng: Điểm h khoản 4, khoản 5 Điều 194; Điểm p, o khoản 1 Điều 46; Điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 53 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt **Ngô Việt H** 20 (Hai mươi) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam, ngày 07/4/2016.

Phạt tiền bổ sung đối với bị cáo Ngô Việt H 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

Áp dụng: Điểm h khoản 4 Điều 194; Khoản 2 Điều 46; Điều 53 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt **Phạm Văn B** 17 (mười bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam, ngày 07/4/2016.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 194; Điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt **Nguyễn Minh L** 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/9/2016.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng có quan điểm bị cáo Nguyễn Minh L có mua của Ngô Việt H 50 gram ma túy đá để bán lại cho Hoàng Minh Dạ V thu lợi 2.500.000 đồng, tương ứng với số lượng ma túy mà H đã bán cho L giá 30.000.000 đồng nên cần xử phạt bị cáo theo Khoản 2 Điều 194 BLHS mới đúng quy định pháp luật. Đối với Ngô Việt H, phạm tội với số lượng ma túy lớn nên cần xử phạt bị cáo tù chung thân mới phù hợp với mức độ phạm tội của bị cáo. Đối với bị cáo Phạm Văn B, đồng phạm với H nên cần

xử phạt bị cáo khởi điểm của khung hình phạt là 20 năm tù mới thỏa đáng, do đó không chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo B.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Ngô Việt H cho rằng mức hình phạt 20 năm tù đối với bị cáo là phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo, việc giám định hàm lượng ma túy để có căn cứ quyết định hình phạt là đúng pháp luật, đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Luật sư bào chữa cho rằng bị cáo Phạm Văn B có hoàn cảnh gia đình khó khăn, không biết việc H bảo ra Ninh Bình để giúp H mua bán trái phép ma túy nên đề nghị xem xét hành vi phạm tội của bị cáo, đồng thời cho rằng thời hạn kháng nghị đã hết nên đề nghị không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Tuy nhiên tại phiên tòa cũng như xem xét hồ sơ vụ án, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng vẫn trong thời hạn luật định.

[1]. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo Ngô Việt H, Nguyễn Minh L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của H và L phù hợp với nhau và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Còn Phạm Văn B thì không thừa nhận hành vi phạm tội với lý do bị cáo không biết gói hàng nhận từ người tên P1 ở tỉnh Ninh Bình mang về Đà Nẵng cho H là ma túy. Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai của bị cáo Ngô Việt H, Nguyễn Minh L và các tài liệu chứng cứ khác, có đủ cơ sở xác định: Phạm Văn B biết rõ Ngô Việt H mua bán trái phép chất ma túy, nhưng B đã giúp sức cho H, cụ thể: ngày 05/4/2016 Phạm Văn B điều khiển xe ô tô biển số 43A-159.62 đi ra đi tỉnh Ninh Bình để nhận ma túy mang về cho H, khi về đến Đà Nẵng thì bị bắt quả tang cùng với Ngô Việt H.

Như vậy, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm và lời khai của bị cáo Ngô Việt H, Nguyễn Minh L, có căn cứ kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 2/2016 đến tháng 4/2016 Ngô Việt H đã nhiều lần ra tỉnh Ninh Bình mua ma túy của một người tên P1 về Đà Nẵng bán lại cho nhiều đối tượng; trong đó có 01 lần bán cho L một số lượng ma túy đá với giá 30.000.000 đồng. Ngày 05/4/2016, H bảo Phạm Văn B đi ra tỉnh Ninh Bình nhận ma túy về cho H; H đã nhận được và mang về đến thị trấn L, tỉnh Thừa Thiên Huế thì gọi điện thoại cho Ngô Việt H ra nhận ma túy. Khi cả hai cùng về đến Trạm cảnh sát giao thông Nam đèo Hải Vân thì bị bắt quả tang, thu giữ tang vật là 1.038,944 gam ma túy tổng hợp. Khám xét nơi ở của Ngô Việt H, cơ quan chức năng còn thu giữ 3,802 gam Heroin.

Với hành vi phạm tội và hậu quả như trên, bản án hình sự sơ thẩm số 55/2017/HSST ngày 25/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng kết tội Ngô Việt H, Phạm Văn B và Nguyễn Minh L “Mua bán trái phép chất ma túy” theo Điều 194 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2]. Xét các nội dung của Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 39/QĐ-HS-VC2 ngày 24/10/2017 của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, thấy:

- Đối với hành vi của Nguyễn Minh L: Tại phiên tòa sơ thẩm Ngô Việt H thừa nhận có 01 lần bán ma túy đá cho Nguyễn Minh L với giá 30.000.000 đồng, số lượng là khoảng nửa lạng, vì không cân nên chỉ ước chừng. Còn Nguyễn Minh L thì khai nhận có 01 lần mua ma túy đá của H với giá 30.000.000 đồng rồi bán lại cho người khác với giá 32.500.000 đồng, bị cáo không biết chính xác trọng lượng ma túy đã mua của H là bao nhiêu.

Như vậy, quá trình điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm không thu giữ được vật chứng là chất ma túy, cũng không có căn cứ xác định được trọng lượng chất ma túy mà Nguyễn Minh L đã mua bán là bao nhiêu. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm kết án Nguyễn Minh L “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó, Quyết định kháng nghị phúc thẩm đề nghị xét xử Nguyễn Minh L về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự là không có căn cứ để chấp nhận.

- Về xác định trọng lượng ma túy: Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 39/QĐ-HS-VC2 của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng Hội đồng xét xử sơ thẩm căn cứ kết luận giám định, quy ra thành trọng lượng ma túy tinh chất để làm căn cứ xét xử các bị cáo là áp dụng không đúng pháp luật, thấy: Bản Kết luận giám định số 146/GĐ-MT ngày 14/4/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng xác định: Tổng trọng lượng ma túy thu giữ trong vụ án là 1.038,944 gam ma túy tổng hợp và 3,802 gam Heroin, nhưng chỉ có chỉ có 620,014 gam chứa thành phần Methamphetamine, Katamine và 2,567 gam Heroin. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào kết quả giám định trên làm căn cứ kết tội các bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật; bởi lẽ: Điều 194 Bộ luật hình sự quy định là “Mua bán trái phép chất ma túy”, nên kết luận giám định phải xác định hàm lượng chất ma túy thu giữ, loại gì, khối lượng bao nhiêu, từ đó mới đánh giá đúng tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội đối với từng bị cáo. Do đó, Quyết định kháng nghị phúc thẩm đề nghị xem xét lại trọng lượng ma túy thu giữ của các bị cáo là không có căn cứ để chấp nhận.

- Về mức hình phạt đối với Ngô Việt H và Phạm Văn B:

Đối với Ngô Việt H: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo; đồng thời, xét thấy bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, nên xử phạt bị cáo 20 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm h khoản 4 Điều 194 Bộ luật hình sự là thỏa đáng; mức hình phạt trên là tương xứng với hành vi và hậu quả do bị cáo gây ra. Do đó, không cần thiết phải tăng hình phạt đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định hình phạt của bản án sơ thẩm cũng đủ tác dụng cải tạo giáo dục đối với bị cáo và ngăn chặn chung trong xã hội.

Đối với Phạm Văn B: Bị cáo biết rõ Ngô Việt H mua ma túy về bán lại, nhưng vẫn giúp sức cho H, trực tiếp đi nhận ma túy với số lượng lớn mang về cho H thì bị bắt quả tang cùng với H. Do đó, cần xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc mới đủ tác dụng trừng trị riêng cũng như ngăn chặn và phòng ngừa chung trong xã hội. Tuy nhiên bị cáo chỉ giúp sức cho H lần bị bắt quả tang, những lần khác bị cáo chở Ngô Việt H đi nhưng không biết mục đích, hành vi của Ngô Việt H; mặt khác, bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo mức hình phạt 17 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm h khoản 4 Điều 194 Bộ luật hình sự là phù hợp pháp luật. Mức hình phạt trên là thỏa đáng, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra.

Vì vậy, Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 39/QĐ-HS-VC2 ngày 24/10/2017 của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Ngô Việt H và Phạm Văn B là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận.

[3]. Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Phạm Văn B: Như đã phân tích trên, mức hình phạt 17 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo là thỏa đáng, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra nên không nặng. Do đó, kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo là không có căn cứ để chấp nhận.

Do không được chấp nhận kháng cáo, nên bị cáo Phạm Văn B phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a Khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự;

1. Không chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 39/QĐ-HS-VC2 ngày 24/10/2017 của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Văn B; giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 55/2017/HSST ngày 25/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Áp dụng điểm h khoản 4, khoản 5 Điều 194; điểm p, o khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 53 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Ngô Việt H 20 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/4/2016.

Phạt tiền bổ sung đối với bị cáo Ngô Việt H 40.000.000 đồng.

- Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 194; khoản 2 Điều 46; Điều 53 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn B 17 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/4/2016.

- Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Minh L 04 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/9/2016.

3. Bị cáo Phạm Văn B phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Những phần của bản án hình sự sơ thẩm số 55/2017/HSST ngày 25/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng không bị kháng cáo, kháng nghị thì có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Điền Mai Xuân Thành

Trần Minh Tuấn